

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

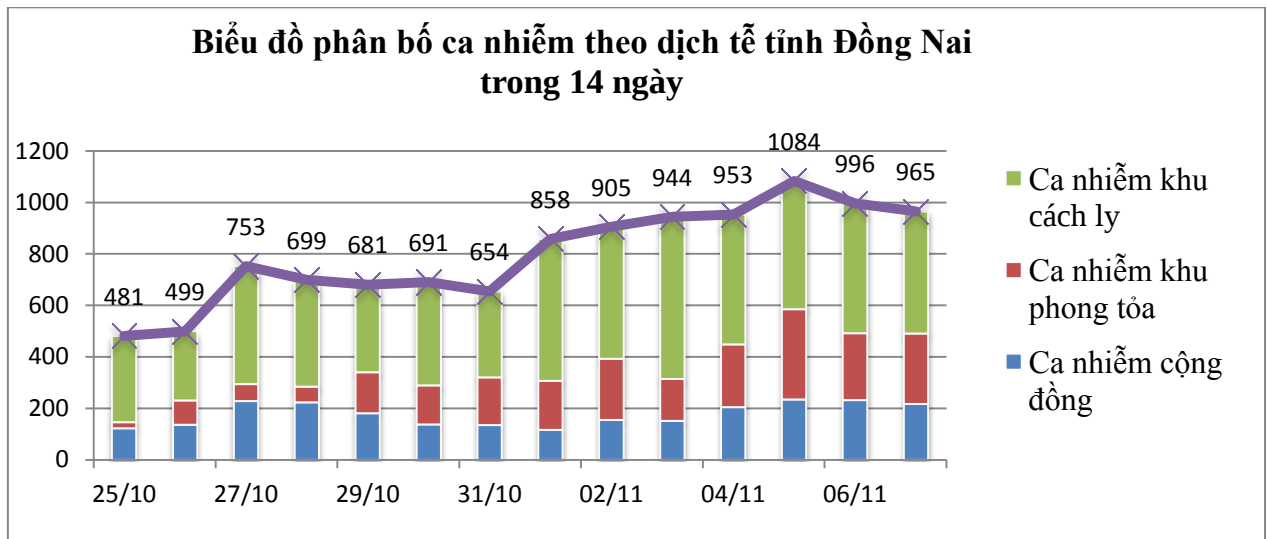
Số: 9321/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 08 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 07/11/2021

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày								Số F1	Số F2	Lũy kế ca bệnh
		Tổng cộng	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong khu CLTT	Số ca trong khu phong tỏa	Sàng lọc cộng đồng						
						Tổng	Trong đó					
							Cộng đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp			
1	Biên Hòa	229	36	192	1	0	0	0	0	190	3	30.126
2	Nhon Trạch	107	14	93	0	0	0	0	0	0	0	16.765
3	Vĩnh Cửu	187	38	17	132	0	0	0	0	121	49	12.315
4	Trảng Bom	179	31	133	15	0	0	0	0	117	5	7.347
5	Long Thành	91	3	5	83	0	0	0	0	–	–	2.610
6	Thống Nhất	53	40	0	13	0	0	0	0	0	0	1.044
7	Định Quán	45	0	20	25	0	0	0	0	–	–	647
8	Long Khánh	16	11	0	5	0	0	0	0	39	12	525
9	Cẩm Mỹ	20	18	2	0	0	0	0	0	18	6	513
10	Xuân Lộc	8	3	5	0	0	0	0	0	0	10	499
11	Tân Phú	30	23	7	0	0	0	0	0	–	–	385
12	Ngoại tỉnh, khác	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	380
Tổng số		965	217	474	274	0	0	0	0	485	85	73.156



- F0 cộng đồng: trong ngày phát sinh 217 ca (giảm 6,5%) so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày là 1.313 ca (tăng 12,7% so với 7 ngày trước đó). cụ thể như sau:

- **Biên Hòa:** ghi nhận 36 ca ngụ tại An Bình (02), Hóa An (03), Hồ Nai (02), Long Bình (06), Quang Vinh (01), Quyết Thắng (02), Tam Phước (02), Tân Biên (03), Tân Mai (01), Tân Tiến (01), Trảng Dài (13).

- **Cẩm Mỹ:** ghi nhận 18 ca ngụ tại Sông Nhạn (04), Thừa Đức (12), Xuân Đường (02). Trong đó có 05 trường hợp làm tại công ty Changsin-Long Thành, 01 trường hợp làm tại công ty G&G-Long Thành, 07 trường hợp về từ vùng dịch (TP. HCM), 06 trường hợp lây nhiễm thứ phát từ các ca F0 trước đó.

- **Long Khánh:** ghi nhận 11 ca ngụ tại Bảo Vinh (01), Bàu Sen (01), Bàu Trâm (01), Hàng Gòn (01), Xuân Lập (07). Trong đó 07 ca là công nhân công ty Pou Sung.

- **Long Thành:** ghi nhận 03 ca ngụ tại Cẩm Đường (02), Tam An (01).

- **Nhơn Trạch:** ghi nhận 14 ca ngụ tại Đại Phước (01), Hiệp Phước (02), Long Thọ (02) Phú Đông (01), Phú Hội (02), Phú Hữu (01), Phú Thạnh (01), Phước Khánh (01), Phước Thiện (02), Vĩnh Thanh (01).

- **Tân Phú:** ghi nhận 23 ca ngụ tại Phú Lập (01), Phú Điền (01), Phú Thanh (04), TT Tân Phú (17).

- **Thống Nhất:** ghi nhận 40 ca ngụ tại Bàu Hàm 2 (01), Dầu Giây (04), Gia Kiệm (02), Gia Tân 1 (02), Gia Tân 2 (01), Hưng Lộc (05), Lộ 25 (04), Quang Trung (09), Xuân Thiện (12). Trong đó 21 ca nguồn lây liên quan công ty Pou Sung, 08 ca nguồn lây từ người về từ TP HCM.

- **Trảng Bom:** ghi nhận 31 ca ngụ tại Bắc Sơn (10), Bình Minh (03), Cây Gáo (01), Đông Hòa (02), Hồ Nai 3 (09), Quảng Tiến (01), Sông Trầu (02), TT Trảng Bom (02).

- **Vĩnh Cửu:** ghi nhận 38 ca ngụ tại Bình Hòa (01), Bình Lợi (03), Phú Lý (01), Tân An (01), Tân Bình (05), Thanh Phú (19), Thiện Tân (07), Vĩnh Tân (01). Trong đó 24 ca là công nhân công ty Chang Shin.

- **Xuân Lộc:** ghi nhận 03 ca ngụ tại Xuân Bắc (01), Xuân Hưng (02).

Nhận xét: Số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 6,5% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 12,7% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng

có dịch, tạo thành nhiều ổ dịch lây nhiễm thứ phát rải rác trong cộng đồng. Trong ngày có 10/11 huyện/thành phố (trừ Định Quán) đều ghi nhận ca nhiễm trong cộng đồng, nhiều nhất tại Trảng Dài (13) – Biên Hòa, Thừa Đức (12) – Cẩm Mỹ, TT Tân Phú (17) – Tân Phú, Quang Trung (09), Xuân Thiện (12) – Thống Nhất, Thanh Phú (19) – Vĩnh Cửu.

Số ca mắc mới tại cộng đồng (trừ ca mắc trong khu cách ly) /100.000 dân/tuần là 95 ca (Tổng dân số toàn tỉnh là 3.160.640 người theo báo cáo các huyện, thành phố).

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

Số lượng khu cách ly tập trung do các huyện, thành phố quản lý trên địa bàn tỉnh: 54 khu với 9.303 giường. Số lượng cơ sở cách ly đã giảm 65,8% do bàn giao lại các cơ sở giáo dục.

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	70	3.781	34.520	38.301
Cách ly tại nhà	388	21.610	66.739	88.349
Theo dõi sức khỏe	334	11.917	24.515	36.432

Trong đó :

- **F1** : Đang theo dõi: 3.257; Lũy kế: 25.419
- **F2**: Đang theo dõi: 6.576; Lũy kế: 36.238
- **Khác** (người về từ vùng dịch, nhập cảnh): Đang theo dõi: 508; Lũy kế: 12.456

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	965	12.531	408	60.070	03	587	34
Tỉ lệ		17,12%		82,08%		0,80%	0,27%

- Các ca đang điều trị: ECMO 01 ca (0,01%), thở máy xâm lấn 33 ca (0,26%), CPAP 4 ca (0,03%), HFNC 26 ca (0,21%), thở oxy 205 ca (1,64%), có triệu chứng trung bình 1.427 ca (11,39%), không triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ 10.835 ca (86,47%).

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	424	214	210
Tầng 2	9.481	4.871	4.610
Tầng 1	8.361	6.124	2.237

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương triển khai	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Lũy kế
1	Biên Hòa	40	371	431
2	Trảng Bom	57	675	716
	Tổng	97	1.046	1.147

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19

3.1. Tình hình tiêm chủng cho người trưởng thành từ 18 tuổi trở lên

STT	Địa phương	Số lượng tiêm trong ngày	Đã tiêm (Dữ liệu cập nhật trên hệ thống tiêm chủng MCC)			Tỉ lệ bao phủ (%)		Số vắc xin còn lại
			Mũi 1	Mũi 2	Tổng	Mũi 1	Mũi 2	
A	Tỉnh Đồng Nai	58.205	2.670.897	1.924.515	4.595.412	106,49%	76,73%	365.832
1	Biên Hòa	1.520	938.459	734.282	1.672.741	108,04%	84,53%	112.569
2	Long Khánh	-	134.423	96.376	230.799	110,35%	79,12%	46.135
3	Xuân Lộc	7.427	192.591	125.891	318.482	115,99%	75,82%	17.444
4	Tân Phú	-	112.451	31.689	144.140	83,72%	23,59%	24.210
5	Cẩm Mỹ	9.704	97.482	87.050	184.532	95,31%	85,11%	3.583
6	Trảng Bom	12.851	282.548	173.289	455.837	99,77%	61,19%	42.939
7	Định Quán	2.784	146.427	103.721	250.148	97,11%	68,78%	15.134
8	Vĩnh Cửu	10.870	144.739	113.018	257.757	119,47%	93,29%	9.059
5	Long Thành	7.076	232.026	161.856	393.882	121,44%	84,71%	54.033
10	Thống Nhất	3.270	120.223	92.256	212.479	92,26%	70,80%	6.436
11	Nhơn Trạch	2.703	269.528	205.087	474.615	113,02%	86,00%	34.290

***Ghi chú:** Tỉ lệ độ bao phủ được tính dựa trên số liệu dân cư do các huyện/thành phố thống kê thực tế. Hiện tính trên tổng số đối tượng từ 18 tuổi trở lên là 2.508.100 người.

- Tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 106,49% ; Mũi 2: 76,73%.

- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 20 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 4.687.428 liều. Số vắc xin còn lại chưa sử dụng là 365.832 liều.

TT	Địa phương	Người từ 65 tuổi trở lên (A) Mục tiêu tháng 10 đạt từ 80% trở lên			Người từ 50 tuổi trở lên (B) Mục tiêu tháng 11 đạt từ 80% trở lên		
		Dân số	Số lượng	Tỷ lệ	Dân số	Số lượng	Tỷ lệ

		(A)	(A) tiêm đủ liều	%	(B)	(B) tiêm đủ liều	%
1	Biên Hòa	63.535	63.372	99,74	198.192	196.742	99,27
2	Long Khánh	13.089	13.051	99,71	37.675	30.162	80,06
3	Long Thành	23.332	21.857	93,68	59.005	54.426	92,24
4	Nhơn Trạch	15.226	14.531	95,44	48.894	47.049	96,23
5	Thống Nhất	13.037	11.372	87,23	37.414	29.353	78,45
6	Trảng Bom	19.115	16.922	88,53	92.978	78.911	84,87
7	Vĩnh Cửu	9.484	7.827	82,53	32.466	26.013	80,12
8	Xuân Lộc	19.734	15.969	80,92	57.427	43.215	75,25
9	Cẩm Mỹ	10.044	9.242	92,02	34.375	25.554	74,34
10	Định Quán	13.434	12.407	92,36	37.054	33.243	89,72
11	Tân Phú	11.970	11.026	92,11	23.040	11.583	50,27
	Tổng	212.000	197.576	93,20	658.520	576.251	87,51

Lưu ý: Số liệu tiêm vắc xin cho người trên 50 tuổi được hiệu chỉnh theo báo cáo thực tế của các địa phương.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 93,20%.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 87,51%.

3.2. Tình hình tiêm chủng cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

STT	Địa phương	Trẻ em (Từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi)						
		Dân số	Số điểm tiêm	Số mũi tiêm (Mũi 1)	Tỷ lệ (%)	Phản ứng nhẹ	Phản ứng nặng	Số vắc xin còn lại
1	Biên Hòa	93.343	1	1.269	1,36%	0	0	-
2	Long Khánh	13.790	8	6.159	44,66%	0	0	-
3	Long Thành	22.096	2	2.702	12,23%	0	0	-
4	Nhơn Trạch	23.393	3	2.703	11,55%	1	0	-
5	Thống Nhất	16.405	3	4.620	28,16%	0	0	-
6	Trảng Bom	32.440	10	7.808	24,07%	0	0	-
7	Vĩnh Cửu	15.893	2	1.257	7,91%	0	0	-
8	Xuân Lộc	24.646	0	0	0,00%	0	0	-
9	Cẩm Mỹ	12.810	0	0	0,00%	0	0	-
10	Định Quán	23.014	0	0	0,00%	0	0	-
11	Tân Phú	17.908	0	0	0,00%	0	0	-
	Tổng	295.738	29	26.518	8,97%	1	0	-

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 8,97%. Các huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú chưa triển khai tiêm.

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	559	206	1.470.439	6.195
RT-PCR mẫu đơn	6.019	2.544	1.866.909	182.233
RT-PCR mẫu gộp	275	42	334.887	23.527
Lượt người thực hiện PCR	7.408	2.544	3.537.596	182.233

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 171 mẫu tại Định Quán (09), Trảng Bom (162).

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 42 mẫu

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Triển khai Kế hoạch số 13691/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thiết lập Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 92 TYT lưu động. Trong đó: Biên Hòa (30), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (13), Thống Nhất (02), Tân Phú (03).

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày, số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 6,5% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 12,7% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng có dịch, tạo thành nhiều ổ dịch lây nhiễm thứ phát rải rác trong cộng đồng. Trong ngày có 10/11 huyện/thành phố (trừ Định Quán) đều ghi nhận ca nhiễm trong cộng đồng, nhiều nhất tại Trảng Dài (13) – Biên Hòa, Thừa Đức (12) – Cẩm Mỹ, TT Tân Phú (17) – Tân Phú, Quang Trung (09), Xuân Thiệu (12) – Thống Nhất, Thanh Phú (19) – Vĩnh Cửu.

- Số ca mắc mới tại cộng đồng (trừ ca mắc trong khu cách ly) /100.000 dân/tuần là 95 ca (Tổng dân số toàn tỉnh là 3.160.640 người theo báo cáo các huyện, thành phố).

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 106,49% ; Mũi 2: 76,73%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 93,20%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 87,51%.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 8,97%. Các huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú chưa triển khai tiêm.
- Số vắc xin còn lại chưa sử dụng là 365.832 liều.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kì đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.
- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.
- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.
- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trong ngày

	Trong ngày	Lũy kế
Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.203 đơn vị
2. Người lao động	729 người	1.050.262 người
3. Hộ kinh doanh	121 hộ	13.001 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.203 đơn vị
2. Người lao động	56.997 người	990.498 người
3. Hộ kinh doanh	20 hộ	12.418 hộ

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	TP. Biên Hòa	387.053/415.932	628,81/695,32	93,06

2	Cẩm Mỹ	18.585/18.585	28,05/28,05	100
3	Định Quán	26.838/27.286	41,52/42,19	98,36
4	TP. Long Khánh	46.913/48.400	75,44/77,67	96,93
5	Long Thành	52.506/52.781	81,30/81,74	99,48
6	Nhơn Trạch	109.991/114.201	176,03/182,34	96,31
7	Tân Phú	31.904/43.164	48,13/65,03	73,91
8	Trảng Bom	139.859/152.292	233,85/247,38	91,84
9	Thống Nhất	26.496/26.496	39,94/39,94	100
10	Xuân Lộc	53.119/53.119	83,67/83,67	100
11	Vĩnh Cửu	74.338/74.342	211,41/211,42	99,99
	Tổng cộng	967.602/1.026.598	1.648,15/1.754,74	94,25

Lưu ý: bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp và Hộ kinh doanh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT
(Cập nhật đến ngày 04/11/2021 tại Báo cáo số 743/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố	Xã, phường
Cấp 1 (Bình thường mới)	02* (tăng 01)	74 (giảm 27)
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	08 (giảm 02)	74 (tăng 16)
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	01** (tăng 01)	22 (tăng 11)
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00

* TP Long Khánh, huyện Định Quán

** Huyện Vĩnh Cửu

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	> = 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận
								Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình	Nhẹ và Không triệu chứng					
												Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
1	BVĐN/ HSTC	40	50	3	3	3	44		199		7		17	20							6
2	BVTN/TTHSTC	400	200	5	0	0	101	265	272	102	11	3	17	25	45	0	2	1	25	76	99
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	1	0	0	29	58	40	52	3	1	0	8	17	0		3	8	12	11
4	BVĐKKVLT	100	100	3	0	0	27	84	35	23	2	0	0	25	0	0	1	0	11	15	73
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Đồng Nai 2	10	13	0	0	0	13	112	0	573	1	0	0	12	13	0	0	0	7	10	0
Tổng cộng (tăng 3)		730	424	12	3	3	214	520	547	750	24	4	34	90	75	0	3	4	51	113	200
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	290	46	51	0	308	30	2	1758	0	0	0	2	57	258	0	56	10	14	0
2	Bệnh viên dã chiến số 2	350	370	20	66	0	290	102	0	2041	0	0	0	5	85	170	9	75	156	8	50

3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	20	60	0	471	84	0	3209	0	0	0	16	32	439	25	21	87	93	29
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	5	0	0	251	69	0	2300	0	0	0	3	4	244	0	87	9	9	99
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	1	10	0	205	0	0	1526	0	0	0	2	3	204	1	33	6	15	75
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	17	57	1	645	126	0	6220	0	0	0	7	84	554	15	15	6	32	365
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	26	60	1	360	159	1	5011	0	0	0	8	26	326	8	60	6	25	340
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	45	0	0	602	50	0	2784	0	0	0	11	39	591	6				33
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	15	0	0	359	30	0	2883	0	0	0	4	4	355	3	63	7	30	303
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	28	59	1	593	99	0	4099	0	0	0	17	34	542	7	130	16	26	214
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2950	0	0	0	281	11	0	599	0	0	0	2	76	205	1	37	3	7	
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	3	0	0	76	0	0	707	0	0	0	0	65	11	1	19	0	8	0
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	54	25	11	129	288	0	655	0	0	0	0	20	109	0	83	0	0	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	4	10	0	41	0	0	253	0	0	0	0	22	19	0	5	7	29	109
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	4	0	0	11	20	0	33	0	0	0	3	3	7	0	0	4	7	19
16	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0		5		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	115	2	8	0	107	112	0	573	1	0	0	12	13	102	1	6	13	20	0
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	10	37		74	278	0	338	1	0	0	2	5	66	0	2	0	2	10
19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	0	2	0	55	30	1	266	0	0	0	1	21	33	0	11	1	4	10
20	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200				13									2					
Tổng cộng (tầng 2)		10365	9481	300	445	14	4871	1488	9	35255	2	0	0	95	593	4237	77	703	331	329	1656
1	Biên Hòa	1914	1543	15	296	5	923	1356	13	10802	0	0	0	10	296	627	8	171	19	45	600
2	Long Khánh	400	310	20	3	0	102	70	0	129	0	0	0	0	10	92	0	32	2	2	
3	Vĩnh Cửu	1162	1163	78	97	1	931	1501	3	7401	0	0	0	0	65	866	10	161	93	26	112
4	Định Quán	100	89	0	0	0	67	83	0	146	0	0	0	0	0	67	0	18	0	4	22
5	Tân Phú	60	60	1	11	0	46	138	0	70	0	0	0	0	0	46	0	10	36	0	0
6	Trảng Bom	1528	1496	33	123	3	900	1649	2	4362	0	0	0	0	68	813	8	141	5	10	393
7	Thống Nhất																				
8	Xuân Lộc																				
9	Cẩm Mỹ	500	200	15	4	0	196	18	0	111	0	0	0	0	0	196	0	44	0	18	4
10	Long Thành	500	500	80	77	2	874	67	0	1564	0	0	0	0	0	874	5	82	20	580	-374

11	Nhon Trạch	4230	3000	0	0	53	2085	0	15	5507	0	0	0	10	320	1755	15	238	31	1816	915
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		10394	8361	242	611	64	6124	4882	33	30092	0	0	0	20	759	5336	46	897	206	2501	2237
TỔNG TẦNG (3+2+1)		21489	18266	554	1059	81	11209	6890	589	66097	26	4	34	205	1427	9573	126	1604	588	2943	4093

Phụ lục 3: Tình hình Khu cách ly tập trung

TT	Địa phương	Các điểm cách ly tập trung đang hoạt động	Năng lực theo Quyết định (giường)	Năng lực thực tế (giường)	Trong ngày		Hiện có (người)	Tổng số hoàn thành cách ly	Còn trống (giường)	Trường hợp cách ly được 12 ngày	Trường hợp cách ly được 13 ngày	Trường hợp cách ly được 14 ngày
					Số mới vào cách ly	Số hoàn thành cách ly						
1	Biên Hòa	19	3.289	2.314	75	96	1.902	29.072	412	11	12	13
2	Long Khánh	1	150	150	0	0	9	303	141	0	0	9
3	Vĩnh Cửu	8	3.655	3.655	78	66	1.037	14.823	2.618	14	8	12
4	Định Quán	3	300	300	0	8	116	1.276	184	0	0	8
5	Tân Phú	2	200	200	0	5	57	430	143	0	0	0
6	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Thống Nhất	6	386	386	0	28	14	940	366	2	0	0
8	Xuân Lộc	1	300	300	0	28	161	1.484	139	40	32	5
9	Cẩm Mỹ	2	550	250	32	0	199	1.502	51	3	4	28
10	Long Thành	1	300	300	90	14	321	432	0	14	0	0
11	Nhon Trạch	11	1.448	1.448	0	7	358	9.849	1.090	0	0	0
Tổng		54	10.578	9.303	275	252	4.174	60.111	5.144	84	56	75

Phụ lục 4: Theo dõi cách ly F0 tại nhà

TT	Cơ sở	Số CA + mới thực hiện Cách ly tại nhà trong ngày (24h)	Số Ca kết thúc Cách ly tại nhà	Số CA đang hiện diện Cách ly tại nhà	Số CA chuyển viện/chuyển tầng trong (24h)	Số CA Tử vong tại nhà trong (24h)	Cộng dồn			Số ca đang theo dõi, trong đó				Trẻ em trên 1 tuổi	Người lớn < 50 tuổi	Không có bệnh nền	Nhịp thở ≤ 20 lần/phút, SpO2 ≥ 96%
							Tổng số CA Cách ly tại nhà	Tử vong	Kết thúc Cách ly tại nhà	Không triệu chứng	Có triệu chứng nhẹ	Đã tiêm đủ 2 mũi hoặc 1 mũi vắc xin phòng COVID-19 sau 14 ngày	Sử dụng thuốc điều trị				
1	Biên Hòa	40	10	371	5	0	431	0	25	283	58	288	110	76	263	321	284
6	Trảng Bom	57	0	675	18	0	716	0	0	335	309	512	293	24	398	380	447
	TỔNG CỘNG	97	10	1046	23	0	1147	0	25	618	367	800	403	100	661	701	731